

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



Trụ sở chính



Lô B3-1 – Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi – Đường Giáp Hải (D3) - Xã Trung Lập Hạ -



Huyện Củ Chi - Tp. Hồ Chí Minh

(028) 37907619



www.berubco.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



2020 | BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



Mục lục

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Các giải thưởng tiêu biểu
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
5. Các sản phẩm nổi bật
6. Định hướng phát triển
7. Các yếu tố rủi ro

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

PHẦN III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Những cải tiến trong cơ cấu quản lý, tổ chức
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám Đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN V: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH





THÔNG TIN CHUNG



- 1. Thông tin khái quát
- 2. Quá trình hình thành và phát triển
- 3. Các giải thưởng tiêu biểu
- 4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 5. Các sản phẩm nổi bật
- 6. Định hướng phát triển
- 7. Các yếu tố rủi ro



BĂNG TẢI



- **Tên Công ty** Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành
- **Tên viết tắt** BERUB JSC
- **Mã cổ phiếu** BRC
- **Vốn điều lệ** 123.749.970.000 Đồng
- **Trụ sở chính** Lô B3-1 – Khu Công Nghiệp Tây Bắc Củ Chi – Đường Giáp Hải (D3) - Xã Trung Lập Hạ - Huyện Củ Chi - Tp. Hồ Chí Minh

- **Điện thoại** (028) 37907619
- **Fax** (028) 37907461
- **Email** berubco@berubco.com.vn
- **Website** www.berubco.com.vn
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** 0301150295 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 09/03/2016.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, tọa lạc trong nội thành quận 11.

1976

Đổi tên thành Công Ty Cao Su Bến Thành, trực thuộc Sở Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

1994

1998

Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới toàn bộ thiết bị sản xuất hiện đại.

2007

Đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn.

Cổ phiếu của BERUBCO được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán BRC.

2011

Tăng vốn điều lệ lần đầu lên 75 tỷ đồng.

2010

Tiến hành đầu tư dây chuyền sản xuất băng tải cao su lõi thép, có tính năng vượt trội so với băng tải lõi vải thông thường, dự án đã được UBND TP. Hồ Chí Minh phê duyệt.

2012

Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép, đưa vào sử dụng trong năm 2015.

2015

Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.

2013

Tăng vốn điều lệ lên 123.749.970.000 đồng.

2018

Đến thời điểm hiện nay, Công ty hoạt động với mức vốn điều lệ hơn 123 tỷ đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

2020

Chứng nhận sản phẩm tiêu biểu năm 2008, 2016, 2019



- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng : ISO 9001:2000 đã được thông qua do tổ chức Det Norske Veritas (DNV) chứng nhận
- 6 Huy chương vàng tại Hội chợ Quốc tế hàng CN Việt Nam năm 2002 – 2004 – 2006.
- Chứng nhận Bằng tài Cao su.
- Chứng nhận dây Courroie
- Cúp vàng sản phẩm Công nghiệp hàng đầu Việt Nam
- Thương hiệu băng tải;

Huân chương lao động hạng 3 năm 1994, 2011



Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2020
 Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2020

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.



THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

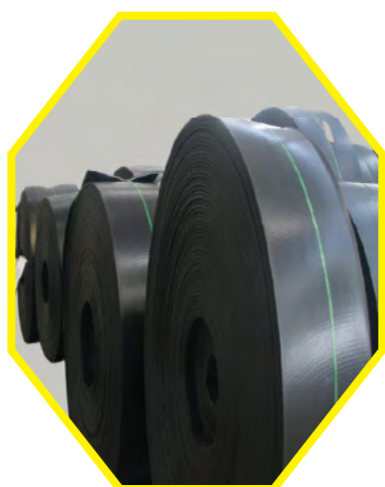
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của BERUBCO cung cấp trong nước và xuất khẩu sang nước ngoài như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Malaysia, Ai Cập.



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



Dây Courroie



Băng tải



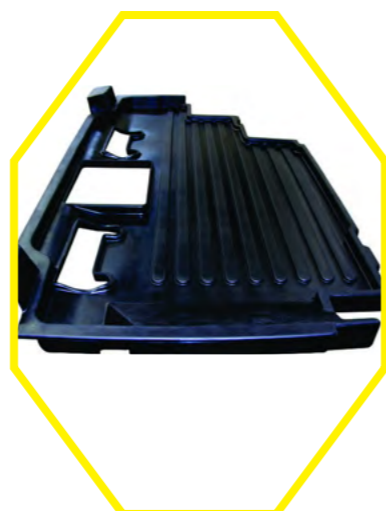
Bánh xích cao su



Thanh đệm băng Billiard



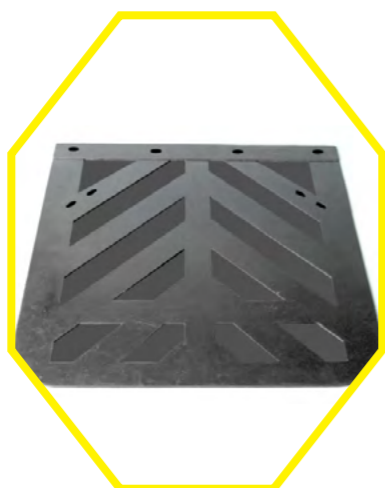
Giảm chấn sàn rung



Tấm lót sàn xe



Phụ tùng cao su



Tấm chắn bùn



Băng tải lõi thép

Băng tải lõi thép chịu nhiệt

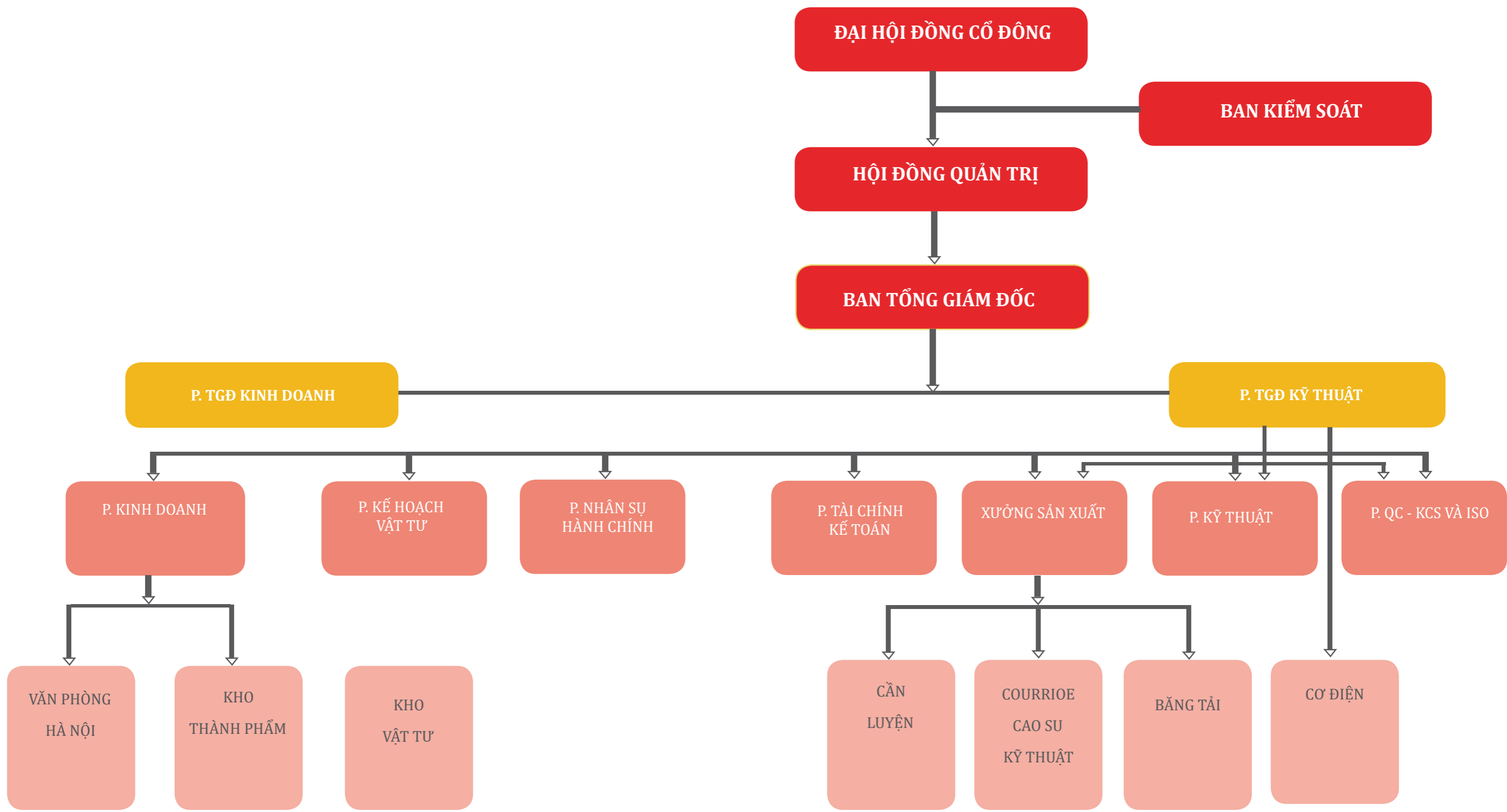


Băng tải lõi thép kháng dầu



Băng tải lõi vải chống va đập





TẦM NHÌN



- Trở thành công ty sản xuất băng tải cao su hàng đầu tại Việt Nam, mở rộng thị trường trên toàn thế giới với chiến lược phát triển bền vững, đội ngũ công nhân sự có trình độ chuyên môn cao và áp dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất kinh doanh.

SỨ MỆNH



- Đưa sản phẩm băng tải cao su với chất lượng tốt nhất, chịu nhiệt, kháng lửa, kháng hóa chất tốt, tối ưu hóa sản phẩm, đưa khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh và trở thành nơi có môi trường làm việc lý tưởng cho cán bộ công nhân viên.

01

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa công suất máy, tăng năng suất lao động thông qua các biện pháp quản lý tiên tiến.
- Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính, quản lý các chi phí theo đúng quy định.
- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ và sản xuất.
- Duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành và sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng, đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp với nhu cầu người dùng.
- Kiểm soát chi phí hợp lý, tối ưu hóa lợi nhuận của Công ty.



02 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của Công ty, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển;
- ✓ Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng quy mô trong và ngoài nước. Tập trung công tác xuất khẩu, và quan hệ thị trường với các đối tác nước ngoài;
- ✓ Tập trung phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật;
- ✓ Xây dựng đội ngũ dày dặn kinh nghiệm không chỉ về chuyên môn mà còn phát triển tốt các kỹ năng quản trị, kỹ năng làm việc...;
- ✓ Chủ động trong nguồn nguyên liệu từ cao su. Phát triển ngành Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ cao su tự nhiên, cao su tổng hợp không chỉ nhằm gia tăng giá trị cho doanh nghiệp mà còn góp phần tăng trưởng vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- BERUBCO nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tổ chức các buổi đào tạo, hướng dẫn cán bộ công nhân viên của công ty trong việc thực hiện an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng để hạn chế gây ô nhiễm cho môi trường.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Công ty thực hiện theo chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích về hoạt động sản xuất nhưng vẫn đảm bảo hạn chế tối thiểu tác động với môi trường, lợi ích xã hội và cộng đồng.

- Đảm bảo các khoản đóng góp đối với cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và đóng góp xã hội khác.
- Thực hiện các phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, chăm sóc phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách.



RỦI RO KINH TẾ

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 lan rộng khắp toàn cầu gây thiệt hại đến phần lớn các quốc gia trên thế giới thì Việt Nam lại là một trong số ít các quốc gia ngoại lệ khi có tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức dương 2.91% trong năm 2020. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này là thấp nhất trong một thập kỷ trở lại đây.

Là Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su như: các loại băng tải, dây courroie.... Các sản phẩm này được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp như ngành thực phẩm, khai thác than, xi măng, phân bón cơ khí chế tạo máy và cả nông, ngư nghiệp. Do vậy ảnh hưởng của biến động nền kinh tế sẽ tác động đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp nói trên, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp kiểm soát

Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã có những định hướng phát triển, thiết lập các kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm giữ vững thị phần của mình trên thị trường.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu đầu vào sử dụng trong sản xuất các sản phẩm của Công ty chủ yếu là cao su thiên nhiên chiếm khoảng 70%, còn lại là cao su tổng hợp và các nguyên vật liệu khác. Mặc dù, nguồn cung cao su thiên nhiên chủ yếu là từ các doanh nghiệp trong nước nhưng giá cả của loại vật liệu này chịu ảnh hưởng từ giá cao su thiên nhiên trên thế giới. Thống kê từ sàn Tocom cho thấy giá cao su thiên nhiên đã tăng 112.68% tính từ mức đáy tháng 03/2020 đến mức cao nhất trong tháng 12/2020 và giá vẫn trong xu hướng tăng mạnh trở lại do thiếu hụt nguồn cung cao su. Giá cao su biến động khiến cho chi phí đầu vào gia tăng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Biện pháp kiểm soát

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành, Công ty ý thức được rất rõ tầm quan trọng của việc bình ổn giá cả nguyên liệu đầu vào. Vì vậy, Công ty luôn thực hiện chiến lược củng cố quan hệ lâu dài với các đối tác trong nước và có kế hoạch dự trữ hợp lý.



RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐẦU RA

Kinh tế hội nhập làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài khi các doanh nghiệp bên ngoài lãnh thổ có thể dễ dàng thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, sự gia nhập của các đối thủ tiềm lực tài chính lớn và công nghệ hiện đại cho ra các sản phẩm đa dạng với mức giá cạnh tranh, đã tạo nên sức ép lớn cho giá hàng hóa của BERUBCO.

Biện pháp kiểm soát

Với chính sách linh hoạt của mình, Công ty luôn duy trì mối quan hệ uy tín và thân thiết với các khách hàng lâu năm. Bên cạnh đó, không ngừng nâng cấp và đổi mới để quy trình sản xuất của Công ty có thể kiểm soát tốt các chi phí đầu vào làm giảm giá thành sản phẩm.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động kinh doanh dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Trong đó, luật Chứng Khoán đang sửa đổi và được áp dụng vào ngày 01/01/2021, sẽ có sự tác động đến tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, công ty cũng xuất khẩu qua các nước Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia... nên chịu thêm tác động về quy định của các quốc gia khác.

Biện pháp kiểm soát

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật của Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.



RỦI RO TỶ GIÁ

Năm 2020, tỷ giá của nhiều đồng ngoại tệ biến động mạnh do tác động của dịch Covid – 19. Sự mạnh lên của đồng USD đã đẩy nhiều đồng tiền chủ chốt giảm giá mạnh, trong đó đồng Việt Nam đồng cũng bị ảnh hưởng. Mà Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu và mua máy móc thiết bị với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, cũng như Công ty xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, do vậy, tỷ giá biến động tác động trực tiếp lên lợi nhuận của Công ty.

Biện pháp kiểm soát

Trước nhiều biến động của thị trường, Công ty đã tăng sự chủ động khi tìm đến các giải pháp để quản trị dòng tiền và kiểm soát rủi ro tỷ giá, lãi suất hiệu quả, từ đó tránh được những cú sốc khi thị trường có biến động tiêu cực, giúp hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định.

Đồng thời, Công ty lập kế hoạch theo dõi sát diễn biến tỷ giá để có những quyết sách linh hoạt, phù hợp, sử dụng các công cụ phái sinh hạn chế rủi ro tỷ giá, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh toán.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy như bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, con người và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và tinh thần đối với Công ty.

Biện pháp kiểm soát

Chính vì thế, Công ty cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.





TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
CTY CP CAO SU BẾN THÀNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT BĂNG TẢI & DÂY COURROIE

LÔ B3-1 KCN TÂY BẮC CỬ CHÌ
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT - 37907619 - 37908068
FAX - 37907611

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng (Giảm) 2020 so với 2019
Doanh thu thuần	269.908	288.670	6,94%
Giá vốn hàng bán	199.070	215.311	8,16%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.212	1.329	9,65%
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	24.483	26.151	6,82%
Lợi nhuận khác	133	-178	-
Lợi nhuận trước thuế	24.615	25.974	5,52%
Lợi nhuận sau thuế	19.576	21.124	7,91%
Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.582	1.706	7,84%

Trước diễn biến vô cùng phức tạp của bệnh dịch đã tác động đến tình hình nền kinh tế và cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhưng trước sự nỗ lực hết mình BERUBCO đã đạt được mức doanh thu cao nhất trong vòng 5 năm gần đây, doanh thu thuần năm 2020 đạt 289 tỷ đồng tăng 6,94% so với năm 2019.

Doanh thu tăng chủ yếu đến từ việc cung cấp, bán các sản phẩm từ cao su đạt 272 tỷ đồng chiếm 94,32% trên tổng doanh thu thuần.

Chi tiết doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng (Giảm) 2020 so với 2019
Doanh thu bán hàng hóa	4.495	16.390	270,45%
Doanh thu bán thành phẩm	265.435	272.346	2,60%
Tổng cộng	269.930	288.736	6,97%

ĐẠT **21.124** tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Tăng **7,91%** so với cùng kỳ

Ngoài ra, doanh thu thuần còn đến từ việc bán hàng hóa tăng mạnh từ 5 tỷ đồng năm 2019 tăng lên 16 tỷ đồng năm 2020 tăng 270,45%. Cùng với việc quản lý tốt chi phí trong năm, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 đạt 21 tỷ đồng tăng 7,91% so với năm 2019.

Cho thấy được, Công ty đã có những chính sách đúng đắn nhằm vào hoạt động chủ lực của Công ty bán hàng và cung cấp các sản phẩm từ cao su.

Doanh thu trong nước và xuất khẩu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng (Giảm) 2018 so với 2019
Trong nước	119.114	199.476	67,47%
Xuất khẩu	70.794	89.194	25,99%
Tổng doanh thu	269.908	288.670	6.95%

Công ty tích cực đẩy mạnh hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, vì vậy doanh thu từ hoạt động bán hàng trong nước đạt 199 tỷ đồng chiếm 69,1% trên tổng doanh thu, tăng mạnh 67,47% so với năm 2019. Thêm vào đó, doanh thu xuất khẩu đạt 89 tỷ đồng năm 2020, chiếm 30,90% trên tổng doanh thu thuần, tăng 25,99% so với năm 2019.

Nguyên nhân là do hiện nay các nhà cung ứng ở Trung Quốc, Hàn Quốc đã ngừng sản xuất do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhiều khách hàng chuyển hướng nhập khẩu hàng từ Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho BERUBCO xuất khẩu ra nước ngoài.



Sản lượng sản xuất năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH2020/ KH2020	TH2020/ TH2019
1. Sản lượng sản xuất						
Băng tải lõi vải	m ²	163.224	158.500	162.482	103%	100%
Băng tải lõi thép	m ²	12.260	12.500	19.723	158%	161%
Dây courroie	inch	22.877.830	25.000.000	23.040.604	92%	101%
Cao su kỹ thuật	kg	1.133.188	1.170.000	1.453.595	124%	128%
2. Sản lượng tiêu thụ						
Băng tải lõi vải	m ²	156.708	158.500	161.101	102%	103%
Băng tải lõi thép	m ²	12.416	12.500	17.458	140%	141%
Dây courroie	inch	22.195.418	25.000.000	26.615.210	106%	120%
Cao su kỹ thuật	kg	1.075.143	1.170.000	1.412.269	121%	131%

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	0
2	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	0
3	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	0
4	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT	0,13%
5	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	0
II BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám Đốc	0,13%
2	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	0,02%
3	Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế Toán Trưởng	0,008%
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng Ban Kiểm Soát	0.008%
2	Phạm Thị Thu Hường	Thành viên BKS	0
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	0
4	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	0

Sơ yếu lí lịch Hội đồng Quản trị

ÔNG HUỲNH TẤN SIÊU - Chủ tịch HĐQT

“	Năm sinh	1964
	Quốc tịch	Việt Nam
	Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư
	Quá trình công tác	
	1986 - 1989	Giáo viên dạy nghề tại trường Công Nghiệp Chứng Khoán Cao Su Đồng Phú thuộc Tổng Cao Su Việt Nam
	1989 đến nay	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư tại Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long
	Tháng 10/2003 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp Cao su Bình Long
	Tháng 5/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

ÔNG DIỆP XUÂN TRƯỜNG - Thành viên HĐQT

“	Năm sinh	1980
	Quốc tịch	Việt Nam
	Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ điện Nông nghiệp
	Quá trình công tác	
	4/2005 - 12/2008	Nghiên cứu viên - Phòng đo lường tự động hóa Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch
	01/2009 - 12/2010	Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
	12/2010 - 11/2018	Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
	12/2018 - nay	Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

ÔNG PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1962
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính-Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1981 - 1985	Kế toán giá thành tổng hợp tại Nhà máy XMKL
Từ 1985 - 1996	Kế toán tổng hợp tại Công ty XMHT1
Từ 1996 - 2001	Phó phòng Kế toán- TKTC Công ty XMHT1
Từ 2001 - 2003	Phụ trách phòng Kế toán- TKTC Công ty XMHT1
Từ 2003 - 2009	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần XMHT1
Từ 2009 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Cao su Bến Thành,

ÔNG NGUYỄN VIỆT HÀ - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1979
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân vật lý
Quá trình công tác	
Từ 2002 - 2006	Chuyên viên P.Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
Từ 2006 - 2008	Phó Giám đốc XN thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
Từ 2008 - 2010	Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành
Từ 2010 - 2013	Phó phòng P. Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
Từ 2010 - 2015	Phó phòng P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
Từ 2015 - nay	Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

ÔNG NGUYỄN TRẦN NGUYÊN VŨ
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1967
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thiết kế máy
Quá trình công tác	
Từ 1991-2002	Quản đốc xưởng để giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
Từ 2002 - 2005	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
Từ 2006 - 2007	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
Từ 2007 - 2016	Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
Từ 2016 đến nay	Tổng giám đốc CTCP Cao su Bến Thành



Sơ yếu lí lịch Ban Tổng giám đốc

ÔNG HUỖNH ANH TUẤN - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1974
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học
Quá trình công tác	
Từ 2002 - 2004	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
Từ 2004 - 2007	Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
Từ 2007 - 2014	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Từ 2014 - 2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Từ 2016 - Tháng 6/2020	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Tháng 7/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành

BÀ LƯU THỊ TỔ NHƯ

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 2002 - 2005	Kế toán tổng hợp tại Công ty In Hồng Phúc
Từ 2006 - 2007	Kế toán thanh toán tại Công ty Cao su Bến Thành
Từ 2007 - đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Từ 2017 - đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Sơ yếu lí lịch Ban kiểm soát

BÀ DƯƠNG HOÀI TRINH - Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh	1980
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác	
Từ 2002 - 2003	Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
Từ 2003 - 2004	Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
Từ 2004 - 2005	Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
Từ 2008 đến nay	Làm việc tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

BÀ PHẠM THỊ THU HƯỜNG - Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh	1966
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1991 - 2007	Làm việc tại Công ty cao su Kontum
Từ 2008 - nay	Làm việc tại Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Từ 2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Bến Thành

BÀ LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT - Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh 1983
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

Từ 2004 - 2014 Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

Từ 04/2015 đến nay Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

ÔNG TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG- Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh 1983
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

Từ 10/2003 đến 2019 Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

- Ông Trần Minh – Chủ tịch HĐQT – Từ nhiệm ngày 29/05/2020.
- Ông Vũ Quốc Vinh – Thành Viên HĐQT – Từ nhiệm ngày 29/05/2020.
- Ông Huỳnh Tấn Siêu – Chủ tịch HĐQT – Mới trúng cử ngày 29/05/2020.
- Ông Huỳnh Anh Tuấn – Phó Tổng Giám Đốc – Bổ nhiệm ngày 01/07/2020.
- Ông Nguyễn Việt Hà – Thành viên HĐQT – Mới trúng cử ngày 29/05/2020.

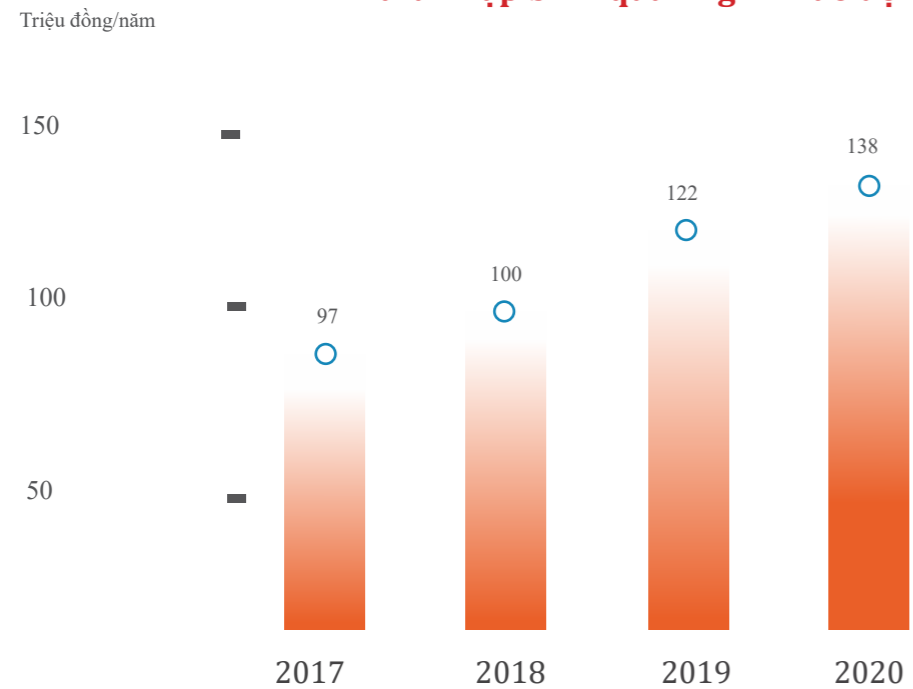
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	184	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	44	23,91%
2	Trình độ trung cấp	6	3,26%
3	Trình độ lao động phổ thông	134	72,83%
II	Theo loại hợp đồng lao động	184	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	116	63,04%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	68	36,96%
III	Theo tính chất lao động	184	100,00%
1	Trực tiếp sản xuất	115	62,50%
2	Không trực tiếp sản xuất	69	37,50%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	97	100	122	138

Biểu đồ thu nhập bình quân người lao động



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Đào tạo chuyên môn

- ✓ Ngoài các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong thời gian thử việc, hàng năm căn cứ vào bảng tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu công việc từng vị trí cấp quản lý phòng, ban, xưởng xem xét để đề xuất cử người đi đào tạo đáp ứng nhu cầu công việc.
- ✓ Phòng Nhân sự - Hành chính căn cứ vào kế hoạch đào tạo có trách nhiệm liên hệ với các trường tổ chức, giáo viên để tổ chức lớp học theo đúng kế hoạch.

Đào tạo quy hoạch:

- ✓ Đối với các khóa đào tạo quy hoạch cán bộ là cấp trung trở lên hàng năm thông qua đánh giá năng lực công việc hoặc bỏ phiếu tín nhiệm, Phòng Nhân sự - Hành chính đề xuất các khóa đào tạo phù hợp cho cán bộ được quy hoạch.
- ✓ Đối với quy hoạch cán bộ là nữ việc đào tạo được xem xét bởi ban Tổng Giám đốc để đạt được đội ngũ cán bộ quản lý nữ đủ năng lực kế thừa, duy trì ở mức từ 30% trở lên cán bộ quản lý cấp trung là nữ.

Các chế độ đào tạo – huấn luyện:

- ✓ Trong trường hợp công ty cử người lao động tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo do bên ngoài tổ chức:
 - Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền học phí, tài liệu và chi phí thực tập (nếu có) cho người được cử đi học.
 - Người được cử đi học được hưởng mức lương theo quy định của Nhà nước.
- ✓ Trong trường hợp công ty cử người lao động tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo do bên ngoài tổ chức:





Về tuyển dụng

BERUBCO tuyển dụng với tiêu chí đúng người đúng việc. Các ứng viên phải đáp ứng các điều kiện cơ bản: có trình độ chuyên môn cơ bản, nhiệt tình và yêu thích công việc, có tính chủ động trong công việc, có tính sáng tạo.

Ưu tiên chọn lọc các hồ sơ là lao động địa phương, gia đình có công với cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số... Sau khi sàng lọc những hồ sơ đạt yêu cầu, Phòng Nhân sự mời ứng viên đến công ty để phỏng vấn, thông tin các chế độ, quyền lợi cũng như nghĩa vụ của lao động khi làm việc tại công ty và thông tin cho Trưởng bộ phận để chuẩn bị phỏng vấn.

Do nhu cầu công việc công ty không tuyển dụng lao động từ 15 đến dưới 18 tuổi, do đó bộ phận có nhu cầu tuyển dụng cần xác định tuổi lao động khi viết phiếu đề nghị tuyển dụng. Đối với lao động là trẻ em dưới 15 tuổi tuyệt đối không được tuyển dụng dưới mọi hình thức.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch Lao động - Tiền lương hàng năm trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh gắn với các mục tiêu chính: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận. Công ty trả lương cho Người lao động theo kết quả và hiệu quả công việc, sử dụng tiền lương làm động lực để kích thích Người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Môi trường công việc

- Tại BERUBCO, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình.
- Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khoá đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.
- Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Ngoài ra, Công ty còn ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ.



Về phúc lợi, đãi ngộ

- Tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người tham gia lao động đầy đủ;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ dành cho các nhân viên BRC để phát hiện sớm bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và hỗ trợ kịp thời (nếu có);
- Trích lập các Quỹ khen thưởng và phúc lợi trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm. Trực tiếp khen thưởng đối với cá nhân và tổ chức có thành tích đóng góp xuất sắc trong các phong trào thi đua, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh được gia;
- Định kỳ Công ty tổ chức cho người lao động và gia đình đi tham quan, nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe, tạo động lực, tăng tinh thần làm việc;
- tâm huyết với doanh nghiệp;

Về chính sách an toàn, bảo hộ lao động

- Tăng cường công tác an toàn - Vệ sinh lao động trong môi trường làm việc; phòng, chống cháy, nổ, bão lụt; duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, từ đó tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn và thân thiện, tạo tiền đề cho phát triển bền vững thương hiệu của BRC và hội nhập ra thị trường quốc tế.

- Quỹ phúc lợi được chi theo Thỏa ước Lao động tập thể với các chính sách khuyến khích, động viên Người lao động gắn bó, tâm huyết với doanh nghiệp;
- Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực trong các hoạt động thể dục thể thao cho nhân viên toàn thể Công ty, Tổ chức ngày quốc tế thiếu nhi, lễ hội trung thu, khen thưởng học sinh giỏi, xuất sắc, trao học bổng cho con em học giỏi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tổ chức thăm hỏi tặng quà nhân ngày Lễ, Tết,...
- Quan tâm đến điều kiện và môi trường làm việc cho nhân viên: sửa chữa cải tạo nhà xưởng, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm tiếng ồn, khói, bụi, trang bị đầy đủ phương tiện làm việc, đồng phục, phương tiện bảo hộ lao động... Áp dụng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại.

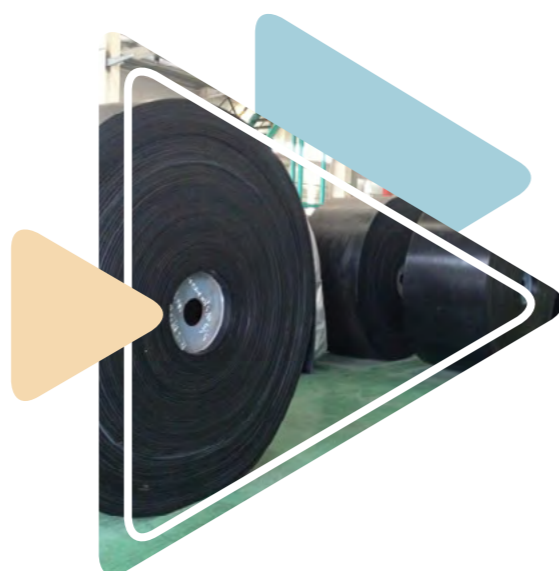


Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Hội đồng quản trị công ty thường xuyên quan tâm đến việc thực hiện dự án đầu tư, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm của đơn vị.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị, theo đề xuất của Tổng giám đốc công ty, đã ban hành các quyết định phê duyệt Báo cáo đầu tư các hạng mục: máy nối đầu băng tải B2400mm, máy lưu hóa băng tải 2.200mmW x 3.000mmL, máy ép thủy lực 6 tầng 800 tấn, máy đo độ nhớt, cụm thân máy luyện kín 75 lít, thiết bị nhỏ lẻ sản xuất sản phẩm MPE và phương án thay mới mái tôn và lớp cách nhiệt nhà xưởng sản xuất băng tải và dây courroie.

Chỉ đạo công ty khẩn trương thực hiện tốt công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý chất lượng thiết bị, tổ chức nghiệm thu quyết toán việc cung cấp, lắp đặt thiết bị theo đúng các quy định hiện hành.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam năm 2020 chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh xảy ra, Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành vẫn hoàn thành tốt kế hoạch và đó là nguồn động lực để Công ty tiếp tục đề ra những phương án phát triển mới góp phần củng cố vị thế và vươn tầm trong tương lai. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2020 đạt 289 tỷ đồng tăng 6,96% so với năm 2019. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp được kiểm soát chặt chẽ và sụt giảm còn 10 tỷ đồng tương đương giảm 14,21% giúp Lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng trưởng mạnh, tăng 1,4 tỷ đồng tương đương tăng 7,85% so với năm 2019.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,15	2,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,25	1,13
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,22%	29,79%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	31,96%	42,31%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,51	3,11
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,79	3,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,25%	7,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,10%	0,10%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,07%	0,08%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,07%	9,05%

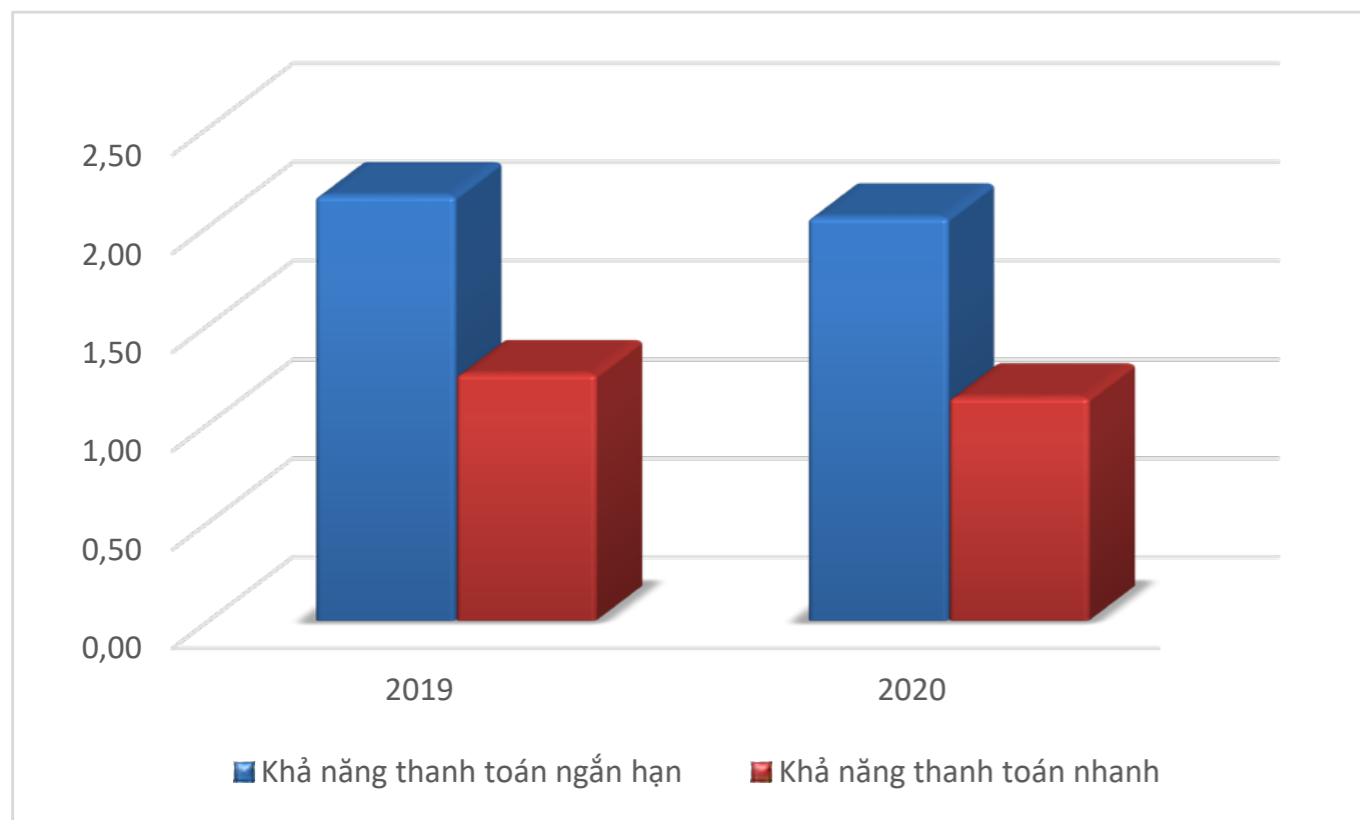




Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh của Công ty luôn duy trì ở mức tốt. Trong năm 2020, các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đạt lần lượt là 2,05 và 1,13, các chỉ số này giảm lần lượt so với năm 2019 là 2,15 và 1,25 lần. Do trong năm Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng các chính sách nới lỏng thời gian thu tiền đối với các khách hàng dẫn đến các khoản phải thu ngắn hạn năm 2020 tăng 20,49% so với năm 2019.

Ngoài ra, do giá cao su trong năm giảm mạnh, Công ty đã nắm bắt thời cơ này mua dự trữ nguyên vật liệu làm cho hàng tồn kho tăng lên, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cho Công ty, theo đó hàng tồn kho trong năm tăng lên 80 tỷ đồng tương đương tăng 35,79% so với năm 2019. Tuy có sự sụt giảm so với năm 2019, các hệ số về khả năng thanh toán vẫn ở mức an toàn đồng thời công ty luôn duy trì được vốn lưu động ổn định giúp công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

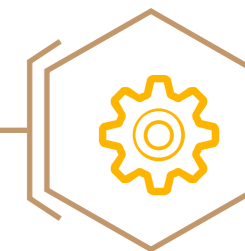


Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu tăng so với năm 2019, lần lượt là 29.48% và 41.81%. Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh sản xuất cao su. Trong đó, các khoản nợ vay ngắn tăng 34 tỷ đồng tương đương tăng 76,92% so với năm 2019 nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Vòng quay hàng tồn kho đạt 3,11 vòng/năm chậm hơn 39.64% so với năm 2019. Do hàng tồn kho trong năm 2020 tăng lên 80 tỷ đồng năm 2020 tương đương tăng 35,79% so với năm 2019. Nguyên nhân Công ty nắm bắt được tình hình dịch bệnh biến chuyển khó lường làm cho giá nguyên vật liệu đầu vào biến động, vì vậy Công ty đã có những chính sách dự trữ nguyên vật liệu từ 28 tỷ đồng tăng lên 38 tỷ đồng năm 2020 nhằm bình ổn giá, tạo lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, còn có sự tăng lên của hàng gửi đi bán tăng mạnh, từ 5 tỷ đồng năm 2019 lên 23 tỷ đồng tăng 326%.

Năng lực hoạt động



Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản đo lường hiệu quả của việc sử dụng tài sản của Công ty, cho biết một đồng tổng tài sản thì thu về được bao nhiêu đồng doanh thu. Năm 2020, chỉ số hiệu quả của Công ty tăng 0,02 lần so với năm 2019, nguyên nhân do doanh thu thuần tăng lên 289 tỷ đồng tương đương tăng 6,96% so với năm 2019, cụ thể do Băng tải xuất khẩu tăng mạnh nhờ Mỹ vẫn duy trì chính sách áp thuế lên một số hàng hóa Trung Quốc làm cho một số doanh nghiệp Mỹ mua băng tải Trung Quốc chuyển sang mua băng tải Việt Nam.



Khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm có xu hướng tăng. Cụ thể hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2020 đạt 7.32% tăng 0,07% so với năm 2019; hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân năm 2020 đạt 9.05% tương đương tăng 0,01% so với năm 2019. Nhờ kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp tốt, Công ty chủ động hơn đối với các chi phí dịch vụ mua ngoài. Vì vậy, lợi nhuận công ty liên tục cải thiện trong thời gian qua và giúp khả năng sinh lời của Công ty trở nên tốt hơn. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 21 tỷ đồng năm 2020 tăng 7,91% so với năm 2019.



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phần	:12.374.997 cổ phần
Loại cổ phần	:Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	:10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	:12.374.997 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	:0

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	12.327.677	99,62%	263
1	Tổ chức	11.202.836	90,53%	9
2	Cá nhân	1.124.841	9,09%	254
II	Cổ đông nước ngoài	47.320	0,38%	11
1	Tổ chức	39.910	0,32%	6
2	Cá nhân	7.410	0,06%	5
	Tổng cộng	12.374.997	100%	274

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/các nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	6.045.658	48,86%
2	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	2.457.578	19,86%
3	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.310.000	18,67%
	Tổng cộng	10.813.236	87,39%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



Tiêu thụ năng lượng

- Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.
- Bên cạnh đó, những cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu bền vững của Công ty.



Tiêu thụ nước

- Việt Nam được xếp nhóm các quốc gia thiếu nước với tổng bình quân đầu người cả trên phạm vi lãnh thổ là 4.400m³/người/năm (so với bình quân thế giới là 7.400 m³/người/năm). Trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Việt Nam có nhiều yếu tố không bền vững. Nhằm được vấn đề này, Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro ô nhiễm nguồn nước bằng việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.



Chính sách liên quan đến người lao động

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết: CBCNV được nghỉ lễ, Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Đối với những nhân viên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được nghỉ phép 14 ngày mỗi năm. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty cán bộ công nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.
- Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm, được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Đối với nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với người lao động, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, và luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc an toàn lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh chú trọng sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp luôn có trách nhiệm trong việc chung tay cùng địa phương bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Công ty chú trọng đầu tư hệ thống xử lý môi trường, kiểm soát ô nhiễm và thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ môi trường. Công ty cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ tiên tiến trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện... đặc biệt trong vùng hoạt động chính của Công ty tại huyện Củ Chi...



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Những cải tiến trong cơ cấu quản lý, tổ chức
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

- Trong bối cảnh Covid-19 bùng phát làm cho giá hàng hóa biến động tăng cao, Công ty đã có sự chuẩn bị tốt dự trữ nguyên vật liệu, tạo nên lợi thế cạnh tranh về giá với các công ty cùng ngành.
- Các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới được Việt Nam ký kết như: CPTPP, EVFTA và Hiệp định RCEP, giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới, giúp doanh nghiệp cao su Việt Nam tiệm cận vị trí “mắt xích” quan trọng trong các chuỗi giá trị ngành công nghiệp chế biến cao su tăng 5,82%, tuy không tăng cao nhưng tiếp tục giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.
- Sản phẩm băng tải từng bước được sự tin dùng trong các lĩnh vực khác như: cơ khí, khai thác đá, nhiệt điện, chế biến gỗ, thép, thức ăn chăn nuôi.
- Bên cạnh đó, Công ty duy trì tốt quan hệ với khách hàng truyền thống và giữ vững thị trường trong ngành than và xi măng.
- Ngành xi măng: mặc dù ngành này có khó khăn đến giữa năm 2020 (tiêu thụ giảm 3% so với cùng kỳ) nhưng tại thời điểm kết thúc năm, ngành xi măng đã hoàn thành kế hoạch đặt ra, tiêu thụ xi măng toàn ngành tăng trên 4% so với cùng kỳ, nhờ vậy việc tiêu thụ băng tải vào ngành hàng này cũng dần có chiều hướng tốt.
- Được sự định hướng và chỉ đạo của các chủ sở hữu thông qua Hội đồng quản trị nên việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi.

Khó khăn

- Dịch Covid-19 tuy đã cơ bản được khống chế ở Việt Nam nhưng còn diễn biến phức tạp trên thế giới làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới các ngành thương mại, du lịch, vận tải, không ít doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, thu hẹp quy mô và tạm dừng hoạt động. Đối với ngành công nghiệp cao su, hầu hết nguyên liệu cao su tổng hợp, hóa chất, vải chịu lực, cáp thép hầu hết đến phải nhập khẩu từ nước ngoài, ngoại trừ cao su thiên nhiên. Vì thế đã làm tăng chi phí đầu vào của quá trình sản xuất làm giảm sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ bên ngoài.
- Thêm vào đó, Sản phẩm băng tải của BERUBCO còn phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, các công ty thương mại và nguồn băng tải đã qua sử dụng; sự cạnh tranh ngày càng gia tăng của các đối thủ như Z75, Dongil...
- Ngành than: điều kiện khai thác khó khăn do hầm lò phải mở sâu xuống lòng đất, chi phí vận chuyển cao kéo theo chi phí khai thác ngày càng lớn, từ đó tồn kho hàng hóa cũng lớn.
- Ngành phân bón: Một số nhà máy phân bón tiêu thụ chậm do xuất khẩu ít, cạnh tranh phân bón tư nhân, nên việc mua băng tải chậm. Bên cạnh đó, giá phân bón Trung Quốc thấp, vì vậy nhiều nhà máy tư nhân nhập về bán, dẫn đến tình hình tiêu thụ chậm.

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	140.153	177.779	26,85%	52,10%	60,67%
Tài sản dài hạn	128.833	115.253	89,46%	47,90%	39,33%
Tổng tài sản	268.985	293.033	8.94%	100%	100%

Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng giảm	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	65.141	87.427	34,21%	99,85%	100%
Nợ dài hạn	100		0%	0,15%	0%
Tổng nợ phải trả	65.041	87.427	34,44%	100%	100%

CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 là 294 tỷ đồng, tăng 26.85% so với năm 2019. Tổng tài sản tăng chủ yếu là từ các khoản phải thu khách hàng tăng lên 77 tỷ đồng, tương đương tăng 22,49% so với năm 2019, vì Công ty áp dụng chính sách nói lỏng nhằm thúc đẩy hoạt động bán hàng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho của Công ty đạt 80 tỷ đồng tương đương tăng 35,79% so với năm 2019.

NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ trong năm 2020 đạt 87 tỷ đồng chiếm 41.81% trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty, nợ phải trả tăng 22 tỷ đồng tương ứng tăng 34,21% so với năm 2019, chủ yếu là tăng các khoản vay ngân hàng trong năm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các khoản dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 2 tỷ đồng tương đương tăng 88,02% so với năm. Và trong năm Công ty không có nợ dài hạn.

Hạng mục	Kế hoạch	Thực hiện đến 31/12/2020		Tỷ lệ (%)	
		Hợp đồng	Giải ngân	Hợp đồng/ Kế hoạch	Giải ngân/ Hợp đồng
Thay mới mái tôn nhà xưởng	1.400.000.000	1.374.907.040	1.374.907.040	98%	100%
Thay mới thân máy luyện kín	2.550.000.000	2.433.728.200	2.433.728.200	95%	100%
Máy lưu hóa Băng tải khổ 2m, kích thước 2mx3m	4.950.000.000	4.420.730.000	4.420.730.000	89%	100%
Máy ép 800 tấn	1.600.000.000	1.430.920.500	1.430.920.500	89%	100%
Máy đo độ nhớt	600.000.000	593.308.500	593.308.500	99%	100%
Tổng cộng	11.100.000.000	10.253.594.240	10.253.594.240	92%	100%

Những cải tiến trong cơ cấu quản lý, tổ chức

Công tác kỹ thuật

- Cải tiến cán tráng băng tải va đập tăng tính năng cơ lý, tăng bám dính;
- Điều chỉnh thay đổi hóa chất cho công thức cán tráng băng tải lõi thép nhằm giảm giá thành và tăng bám dính Cao su - Lõi thép sau lão hóa 15%;
- Điều chỉnh công thức cao su cán tráng băng tải chịu nhiệt cải thiện bám dính Vải - Vải sau lão hóa;
- Điều chỉnh giảm thời gian lưu hóa cho cao su kỹ thuật để tăng năng suất;
- Điều chỉnh thay đổi công nghệ sản xuất băng tải chịu dầu để cải thiện lõi bị bong bóng và tăng bám dính.

Công tác sản xuất:

- Thực hiện tốt việc duy trì ổn định chất lượng các dòng sản phẩm chủ lực của công ty: băng tải, dây curoa, cao su kỹ thuật... đảm bảo sự tuân thủ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015;
- Nghiên cứu áp dụng vải chịu lực mới cho dây courroie để tăng ngoại quan đạt yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện thành công nổi đầu băng tải lõi thép khổ 2400mm, đây là khổ rộng băng tải lớn nhất từ trước đến nay mà Bến Thành thực hiện.
- Cải tiến thành công nổi đầu đai lưu hóa nồi cho dây curoa làm ngoại quan đẹp hơn nhiều, kéo dài tuổi thọ gấp ba lần so với trước đây.
- Đưa vào vận hành máy nổi đầu đai bằng điện trở giúp cho nhiệt độ ổn định hơn;
- Tham gia huấn luyện nhóm I, II, IV cho cán bộ quản lý sản xuất;
- Thực hiện đánh giá công nhân hằng tháng nhằm duy trì sự tuân thủ chấp hành tốt nội quy, công việc;
- Thực hiện huấn luyện cho công nhân mới nhằm chuẩn bị lực lượng sản xuất cho dự án sản phẩm mới.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ngoài việc củng cố, phát triển các dòng sản phẩm hiện tại, trong tương lai gần từ 2-3 năm tới Công ty sẽ đầu tư thêm nhà xưởng và trang bị 01 dây chuyền sản xuất băng tải khổ lớn 2m để tăng năng suất cũng như đa dạng hóa kích thước sản phẩm băng tải tiêu thụ.
- Chú trọng phát triển dòng cao su kỹ thuật phục vụ trong ngành ô tô: Joint kiếng, joint phốt, tấm lót sàn...

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
1	Máy cán 2 trục và bộ đảo keo	2.020
2	Máy hút chân không 350 tấn	1.850
3	Xe nâng 2,5 tấn	500
4	Belt thép	3.630

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	KH2021/TH2020(%)
I SẢN XUẤT KINH DOANH					
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	290.169	287.654	99,13
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	215.311	212.538	98,71
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.974	26.875	103,47
4	Các khoản phải nộp ngân sách	Triệu đồng	28.142	28.900	102,69
5	Cổ tức	%	10%	10%	-
II XUẤT NHẬP KHẨU					
1	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	2.600	2.800	107,69
2	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	3.835	3.900	101,69

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Hằng năm, BERUBCO đều thực hiện các công tác về kiểm định môi trường tại tất cả các nhà máy. Các hạng mục và chỉ số được đo đạc cụ thể là: vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật. Tất cả các chỉ tiêu đề ra về môi trường, các nhà máy của BERUBCO đều hoàn toàn đáp ứng được theo tiêu chuẩn, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ, công nhân viên tham gia quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, BERUBCO còn định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, vật tư, hóa chất, nhà xưởng, kho bãi để đảm bảo an toàn lao động.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Phương châm của Công ty là giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và trách nhiệm với địa phương, đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện..., tham gia với khối Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng nhà tình thương; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ Quỹ Vì người nghèo và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

.....

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám Đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện


Về hoạt động kinh doanh

Năm 2020, với nhiều khó khăn thách thức, việc thực hiện và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao cho đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt cố gắng của từng thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị đã bám sát chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kịp thời định hướng đề xuất những giải pháp phù hợp và cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể CBCNV toàn công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 với chỉ tiêu kết quả SXKD chủ yếu đạt được như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Diễn giải	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ	
			% tăng/giảm TH2020/KH2020	% tăng giảm TH 2020/TH 2019
Tổng doanh thu và thu nhập khác	274.013	288.670	5,35%	6,94%
Lợi nhuận trước thuế	25,139	25,974	3,33%	5,52%
Dự kiến chi trả cổ tức/vốn điều lệ	10	10	100%	100%



ĐẠT 25,9 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế
VƯỢT 3,33% so với kế hoạch

Bằng sự quyết tâm mạnh mẽ và đột phá trong lãnh đạo, định hướng và xác định mục tiêu rõ ràng cụ thể của đội ngũ cán bộ lãnh đạo đã đưa doanh thu thuần bán hàng đạt 289 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt cột mốc cao nhất từ trước đến nay, ở mức 26 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2020 đều vượt so với kế hoạch năm 2020 và thực hiện năm 2019. Bằng tải xuất khẩu tăng mạnh nhờ Mỹ vẫn duy trì chính sách áp thuế lên một số hàng hóa Trung Quốc làm cho một số doanh nghiệp Mỹ mua băng tải Trung Quốc chuyển sang mua băng tải Việt Nam. Đối với thị trường nội địa, do dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành làm cho lượng tiêu thụ băng tải trong nước có hiện tượng sụt giảm, nhất là ngành xi măng. Mặt hàng dây courroie và cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ tăng cao so với năm 2019.



Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, Hội đồng quản trị công ty đã tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong các hoạt động, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị thông qua ý kiến của Ban kiểm soát trong các đợt kiểm tra định kỳ, có chỉ đạo Ban điều hành tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của công ty nhằm nâng cao năng lực quản lý, sửa chữa kịp thời những thiếu sót, hạn chế trong điều hành sản xuất kinh doanh.



Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo, qua đó giám sát chặt chẽ Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty. Ban điều hành công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành sản xuất, kinh doanh. Chủ động việc đẩy mạnh công tác thị trường, khảo sát thị trường, chăm sóc khách hàng và chế độ hậu mãi. Chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2021, Hội đồng quản trị tập trung công tác nâng cao chất lượng quản trị công ty và điều hành của Ban Tổng giám đốc. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thống nhất mục tiêu kế hoạch là duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Những giải pháp cơ bản tập trung vào các vấn đề sau:

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Về quản lý: Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định. Nâng cao ý thức trách nhiệm của ban điều hành và người lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ, sản xuất.
- Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, mở rộng thị trường trong, ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và khẳng định thương hiệu công ty;
- Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí – tăng thu nhập cho người lao động.



- Tiếp tục duy trì và phát huy Hệ thống quản lý chất lượng, áp dụng các phương pháp tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng mặt hàng; đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý và sản xuất.
- Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.
- Bổ sung, hoàn thiện các quy chế theo qui định pháp luật.
- Tập trung chỉ đạo và thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty và cán bộ nội bộ.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham gia	Tỷ lệ tham dự cuộc họp
1	Trần Minh	Chủ tịch HĐQT	02	50%
2	Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch HĐQT	02	50%
3	Diệp Xuân Trường	Thành viên HĐQT	04	100%
4	Vũ Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	02	50%
5	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên HĐQT	04	100%
6	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	04	100%
7	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	01	25%



Các Nghị quyết/Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	313/QĐ-HĐQT	04/02/2020	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng tham gia Đại hội đồng cổ đông năm 2020
2	314/TB-HĐQT	04/02/2020	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng tham gia Đại hội đồng cổ đông năm 2020
3	315/TTr-HĐQT	12/02/2020	Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB năm 2020
4	316/NQ-HĐQT	26/02/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 4/2020
5	317/QĐ-HĐQT	26/02/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị Quý 4/2020
6	318/QĐ-HĐQT	26/02/2020	Quyết định phê duyệt quyết toán quý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và viên chức quản lý không chuyên trách năm 2020
7	318A/QĐ-HĐQT	11/03/2020	Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Mua máy nổi đấu băng tải B2400mm
8	319/TTr-HĐQT	12/03/2020	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 (đã được kiểm toán)
9	320/TTr-HĐQT	12/03/2020	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019
10	321/TTr-HĐQT	12/03/2020	Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019
11	322/TTr-HĐQT	12/03/2020	Tờ trình mức thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và phương án thù lao năm 2020
12	324/TTr-HĐQT	16/03/2020	Quyết định v/v phê duyệt phương án thay mới mái tôn và lớp cách nhiệt nhà xưởng sản xuất băng tải và dây courroie
13	325/TTr-HĐQT	19/03/2020	Tờ trình về chủ trương bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty Cổ phần Cao Su Bến Thành
14	326/TTr-HĐQT	25/3/2020	Công văn v/v hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
15	329/NQ-HĐQT	05/5/2020	Công văn xin ý kiến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	330/NQ-HĐQT	12/5/2020	Nghị quyết về việc thống nhất bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
17	331/TTr-HĐQT	12/5/2020	Tờ trình về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý CTCP Cao su Bến Thành
18	332/TTr-HĐQT	29/5/2020	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
19	333/TTr-HĐQT	29/5/2020	Tờ trình thông qua danh sách ứng viên HĐQT
20	334/QĐ-HĐQT	17/6/2020	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2020
21	336/QĐ-HĐQT	26/6/2020	Quyết định về phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2020
22	337/QĐ-HĐQT	26/6/2020	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và viên chức quản lý không chuyên trách năm 2020
23	338/QĐ-HĐQT	30/6/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bến Thành
24	339/QĐ-HĐQT	20/7/2020	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Mua 01 máy lưu hóa băng tải 2.200mmW x 3.000mmL
25	340/QĐ-HĐQT	20/7/2020	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Mua 01 máy ép thủy lực 6 tầng 800 tấn
26	341/QĐ-HĐQT	20/7/2020	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Mua 01 máy đo độ nhớt
27	342/QĐ-HĐQT	20/7/2020	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Mua cụm thân máy luyện kín 75 lít
28	344/NQ-HĐQT	17/8/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 2/2020
29	345/QĐ-HĐQT	24/8/2020	Quyết định về việc khen thưởng năm 2019
30	346/NQ-HĐQT	16/11/2020	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý 3/2020
31	348/NQ-HĐQT	02/12/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận mua thêm thiết bị nhỏ lẻ sản xuất sản phẩm MPE

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bám sát định hướng, chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, chỉ đạo chính xác, kịp thời.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 04 phiên và lấy ý kiến thành viên bằng văn bản 14 lần. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 06 nghị quyết, 15 quyết định và 13 văn bản khác nhằm đề ra chủ trương, giải pháp và chỉ đạo kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự. Từng thành viên HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc tham gia lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng phát triển của công ty, đã có những ý kiến cụ thể thiết thực giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt hoạt động điều hành của mình.

- Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định và điều lệ của Công ty;
- Kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành của TGD Công ty;
- Thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của TGD về kết quả triển khai nhiệm vụ được giao;
- Ban điều hành Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và chỉ đạo của HĐQT;
- Tổng giám đốc có chủ động trong việc xây dựng và đề xuất các vấn đề trọng tâm lên HĐQT xem xét quyết định;
- Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành các bảng báo cáo tài chính năm 2020 kịp thời, chính xác.



a. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Hoài Trinh	Trưởng ban BKS	990	0.008%
2	Phạm Thị Thu Hường	Thành viên BKS	0	0
3	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	0	0

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, ban điều hành trong kỳ đã thực hiện đúng nhiệm vụ được đại hội đồng cổ đông giao
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống nhất và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 1 năm.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát hiện nay bao gồm 4 thành viên, trong đó có trưởng ban là chuyên trách tại công ty. Việc kiểm tra và yêu cầu các bộ phận phối hợp trong các kỳ kiểm tra định kỳ và đột xuất diễn ra thường xuyên.
- Ban kiểm soát đều được mời dự trong các cuộc họp HĐQT thường kỳ, và có nêu ý kiến, báo cáo với cuộc họp về việc kiểm tra giám sát của Ban.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/người/tháng

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Huỳnh Anh Tuấn	PTGD	09	0,000%	2.539	0.021%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Note

Non-current assets
Property, plant and equipment
Intangible assets
Subsidiaries
Associates
Investments
Receivables

3
4
5
6
7
8
9

50

2

10

11

12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Siêu	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 29/05/2020)
Ông Trần Minh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 29/05/2020)
Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/05/2020)
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên	
Ông Diệp Xuân Trường	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/05/2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc	
Bà Lưu Thị Tố Như	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/07/2020)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thu Hường	Thành viên
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021



Số: 030321.002 /BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 10 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Lê Kim Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

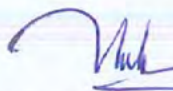
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178.828.866.579	140.152.617.540
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.568.057.968	13.979.627.567
111	1. Tiền		8.568.057.968	8.979.627.567
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	3.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.343.861.297	64.269.960.280
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	76.876.406.678	62.760.835.248
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.431.333.187	4.126.758.046
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	729.848.000	1.181.237.362
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.693.726.568)	(3.798.870.376)
140	IV. Hàng tồn kho	09	79.738.790.372	58.721.856.495
141	1. Hàng tồn kho		79.738.790.372	58.721.856.495
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.178.156.942	181.173.198
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	317.127.734	181.173.198
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		861.029.208	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		115.253.381.129	128.832.608.546
220	II. Tài sản cố định		85.557.047.718	96.672.027.935
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	85.557.047.718	96.672.027.935
222	- Nguyên giá		240.546.911.015	237.009.442.115
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(154.989.863.297)	(140.337.414.180)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	635.373.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	-	635.373.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	-	1.141.057.540
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(4.858.942.460)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		29.696.333.411	30.384.150.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	29.696.333.411	30.384.150.071
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		294.082.247.708	268.985.226.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		87.426.873.676	65.140.980.238
310	I. Nợ ngắn hạn		87.426.873.676	65.040.980.238
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	30.440.043.653	34.248.104.637
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	4.043.900.748	1.270.824.450
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	984.290.919	1.774.803.070
314	4. Phải trả người lao động		11.629.169.036	10.036.142.617
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	414.619.408	325.432.618
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.306.506.983	1.608.111.164
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	33.972.464.455	13.311.441.839
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.635.878.474	2.466.119.843
330	II. Nợ dài hạn		-	100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	-	100.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		206.655.374.032	203.844.245.848
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	206.655.374.032	203.844.245.848
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		31.711.715.531	31.711.715.531
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.853.669.301	22.042.541.117
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.729.369.782	2.466.048.524
421b	LNST chưa phân phối năm nay		21.124.299.519	19.576.492.593
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		294.082.247.708	268.985.226.086


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập


Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng




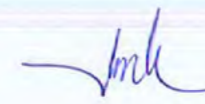

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	288.735.821.623	269.929.985.437
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	65.928.504	21.681.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		288.669.893.119	269.908.304.437
11	4. Giá vốn hàng bán	23	215.310.615.947	199.070.333.690
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.359.277.172	70.837.970.747
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.329.473.771	1.211.576.827
22	7. Chi phí tài chính	25	2.547.603.325	2.568.931.046
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.225.586.942	1.280.277.497
25	8. Chi phí bán hàng	26	36.453.999.400	33.883.118.600
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	9.535.779.337	11.114.921.884
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.151.368.881	24.482.576.044
31	11. Thu nhập khác	28	169.801.396	310.831.138
32	12. Chi phí khác	29	347.318.380	177.990.313
40	13. Lợi nhuận khác		(177.516.984)	132.840.825
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.973.851.897	24.615.416.869
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.849.552.378	5.038.924.276
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.124.299.519	19.576.492.593
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.707	1.265


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập


Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng




Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.973.851.897	24.615.416.869
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.561.902.789	14.449.403.088
03	- Các khoản dự phòng		110.204.154	1.403.280.669
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.561.160)	70.795.697
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(381.358.150)	(609.316.439)
06	- Chi phí lãi vay		1.225.586.942	1.280.277.497
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		42.432.626.472	41.209.857.381
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.907.408.447)	13.835.646.411
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(21.016.933.877)	(3.897.978.830)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.272.257.508)	15.133.592.835
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(357.591.548)	(28.092.451.257)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.171.066.819)	(1.311.233.401)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.207.696.506)	(4.891.446.461)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.757.900.000)	(775.720.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.258.228.233)	31.210.266.678
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.902.095.900)	(3.555.558.874)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		428.380.069	612.119.179
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.473.715.831)	(2.943.439.695)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		58.945.664.826	39.442.352.411
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(38.280.850.283)	(58.666.670.512)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.354.342.000)	(12.334.195.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.310.472.543	(31.558.513.601)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(421.471.521)	(3.291.686.618)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.979.627.567	17.254.932.776
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.901.922	16.381.409
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	13.568.057.968	13.979.627.567

Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 09 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 123.749.970.000 đồng; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 199 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 180 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	10 - 12	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08	năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	115.029.393	97.889.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.453.028.575	8.635.827.577
Tiền đang chuyển	-	245.910.500
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
	<u>13.568.057.968</u>	<u>13.979.627.567</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn với lãi suất 3,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	3.000.000.000		3.000.000.000	

Tại ngày 31/12/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất 5,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	VND	VND	VND	VND
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(4.858.942.460)
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(4.858.942.460)

- Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo được thành lập và hoạt động tại tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất chỉ sợi cao su. Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo là 1,88%.

- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	9.396.327.930	-	595.989.900	-
- Công ty TNHH Mạc Tích	8.396.039.655	-	513.956.905	-
- Công ty Than Dương Huy - CN Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	5.097.714.162	(313.990.934)	7.315.684.342	(286.975.559)
- Công ty Cổ phần Máy và Vật tư thiết bị Sài Gòn	7.531.096.690	(154.125.207)	4.970.125.690	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	1.626.901.100	(4.708.550)	7.728.298.600	-
- Công ty AOI Rubber., Ltd	5.640.077.325	-	3.422.361.395	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	3.625.677.561	(102.149.331)	3.095.829.939	-
- VSRP Viasuperior Rubber and Plast	3.025.784.397	(982.304.148)	3.431.838.467	(2.276.312.738)
- Các khách hàng khác	32.536.787.858	(1.136.448.398)	31.686.750.010	(1.161.291.657)
	76.876.406.678	(2.693.726.568)	62.760.835.248	(3.724.579.954)
	1.626.901.100	(4.708.550)	7.728.298.600	-

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Hixih Stell Wire Rope Co.,Ltd	221.709.312	-	769.757.690	-
- Qingdao Xiangjie Rubber Machinery Co., Ltd	1.755.721.500	-	400.660.350	-
- Yi Tzung Precision Machinery Corp	1.345.408.100	-	487.889.900	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại TTH	-	-	587.692.400	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Công Kha	-	-	524.220.400	-
- Sinoasian Trading International.,Ltd	1.842.072.086	-	208.001.420	-
- Suzhou Shanghai Textile Co., Ltd	1.266.422.189	-	249.211.440	-
- Các đối tượng khác	6.431.333.187	-	899.324.446	-
	6.431.333.187	-	4.126.758.046	-

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	30.682.191	-	77.704.110	-
Tạm ứng	661.711.999	-	817.301.345	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	36.334.485	-
Phải thu về hỗ trợ lãi vay	-	-	175.607.000	-
Phải thu khác	34.453.810	-	74.290.422	(74.290.422)
	729.848.000	-	1.181.237.362	(74.290.422)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- VSRP Viaussuperior Rubber and Plast	2.649.313.185	1.667.009.037	3.431.838.467	1.155.525.729
- Công ty TNHH MTV Nhôm Đắk Nông	-	-	241.993.400	120.996.700
- Các khoản khác	4.616.333.828	2.904.911.408	4.402.328.119	3.000.767.181
	7.265.647.013	4.571.920.445	8.076.159.986	4.277.289.610

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.322.231.898	-	27.992.265.680	-
Công cụ, dụng cụ	86.896.830	-	129.578.417	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.556.850.197	-	3.489.268.118	-
Thành phẩm	12.651.777.173	-	21.365.404.087	-
Hàng hoá	858.575.986	-	291.172.022	-
Hàng gửi đi bán	23.262.458.288	-	5.454.168.171	-
	79.738.790.372	-	58.721.856.495	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Máy ép cao su thủy lực	-	635.373.000
	-	635.373.000

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	37.151.496.717	-	186.318.360.422	-
- Mua trong năm	-	-	2.085.705.600	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.398.363.300	-
Số dư cuối năm	37.151.496.717	-	189.802.429.322	-
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	16.809.706.092	-	114.878.002.121	-
- Khấu hao trong năm	1.873.560.908	-	11.889.947.540	-
Số dư cuối năm	18.683.267.000	-	126.767.949.661	-
Giá trị còn lại	20.341.790.625	-	71.440.358.301	-
Tại ngày đầu năm	18.468.229.717	-	63.034.479.661	-
Tại ngày cuối năm	20.341.790.625	-	71.440.358.301	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.313.275.911	-	13.366.675.911	-
Thiết bị văn phòng	226.309.065	-	226.309.065	-
Cộng	237.009.442.115	-	240.546.911.015	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	37.151.496.717	-	189.802.429.322	-
Máy móc, thiết bị	186.318.360.422	-	189.802.429.322	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.313.275.911	-	13.366.675.911	-
Thiết bị văn phòng	226.309.065	-	226.309.065	-
Cộng	237.009.442.115	-	240.546.911.015	-

Trong đó:
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.789.326.977 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.991.537.673 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	29.993.538	32.010.438
Công cụ dụng cụ xuất dùng	147.355.121	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	149.162.760
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	139.779.075	-
	317.127.734	181.173.198
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (*)	25.464.702.822	26.374.156.494
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.873.212.413	1.376.442.787
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.358.418.176	2.351.529.656
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	282.021.134
	29.696.333.411	30.384.150.071

(*) Công ty thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi từ năm 1999 với thời hạn thuê ban đầu là 20 năm. Trước đây, Công ty theo dõi khoản tiền thuê đất này trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình" với nguyên giá đúng bằng số tiền thuê đất phải trả là 2.146.966.500 VND. Đến năm 2019, khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty tiến hành gia hạn thêm thời gian thuê đến năm 2048 và theo dõi số tiền thuê đất phải trả trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn".

(Xem chi tiết tại thuyết minh số 20)



13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi (*)	3.243.190.485	3.243.190.485	16.823.949.345	16.823.949.345
- Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	6.609.482.000	6.609.482.000	4.778.614.500	4.778.614.500
- Công ty TNHH Vận tải Hành Tinh Xanh	3.132.206.000	3.132.206.000	1.524.050.000	1.524.050.000
- Công ty TNHH VT-TM XNK Dương Nguyễn	2.661.945.000	2.661.945.000	1.338.882.600	1.338.882.600
- Phải trả các đối tượng khác	14.793.220.168	14.793.220.168	9.782.608.192	9.782.608.192
	30.440.043.653	30.440.043.653	34.248.104.637	34.248.104.637

(*) Khoản phải trả tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi. Số dư tại 31/12/2020 là số phải trả cho các kỳ thanh toán từ nay đến tháng 01/2021.
(Xem thuyết minh số 12 và 20)

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Mulhern Belting, Inc-New Jersey	1.983.292.768	557.300.577
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị máy PU	634.026.000	324.026.000
- Distribuidora PJS.A de C.V	498.258.432	-
- Phải trả các đối tượng khác	928.323.548	389.497.873
	4.043.900.748	1.270.824.450

- Mulhern Belting, Inc-New Jersey
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị máy PU
- Distribuidora PJS.A de C.V
- Phải trả các đối tượng khác

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	535.267.445	6.659.419.274	7.194.686.719	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.466.540.093	1.466.540.093	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.176.575.768	4.849.552.378	5.207.696.506	-	-	818.431.640	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	62.959.857	1.508.125.267	1.405.225.845	-	-	165.859.279	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.365.843.424	2.365.843.424	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	120.240.853	120.240.853	-	-	-	-
		1.774.803.070	16.972.721.289	17.763.233.440				984.290.919

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	101.288.396	46.768.273
- Chi phí phải trả khác	313.331.012	278.664.345
	414.619.408	325.432.618

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	64.210.983	54.636.198
- Bảo hiểm xã hội	-	253.342.332
- Bảo hiểm y tế	-	42.291.095
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	18.558.739
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.177.743.500	1.157.088.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.552.500	82.194.300
	1.306.506.983	1.608.111.164
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	100.000.000
	-	100.000.000

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	13.311.441.839	13.311.441.839	58.945.664.826	38.284.642.210	33.972.464.455	33.972.464.455
	13.311.441.839	13.311.441.839	58.945.664.826	38.284.642.210	33.972.464.455	33.972.464.455

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/62647/HĐTD ngày 26/06/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn cấp hạn mức của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ. Lãi suất trong năm đối với khoản vay USD là 4%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm bao gồm: 31.851.549.029 VND và 91.458,19 USD (tương đương 2.120.915.426 VND);
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	29.227.115.531	20.072.795.117	199.389.899.848	20.072.795.117	199.389.899.848	VND
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	19.576.492.593	-	19.576.492.593	
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-	(12.374.997.000)	-	(12.374.997.000)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.547.149.593)	-	(2.547.149.593)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2.484.600.000	-	(2.484.600.000)	
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)	
Số dư cuối năm trước	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	22.042.541.117	203.844.245.848	22.042.541.117	203.844.245.848	VND
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	22.042.541.117	203.844.245.848	22.042.541.117	203.844.245.848	VND
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	21.124.299.519	-	21.124.299.519	
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(12.374.997.000)	-	(12.374.997.000)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.813.491.964)	-	(3.813.491.964)	
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(114.166.667)	-	(114.166.667)	
Truy thu tiền thuế đất từ năm 2007 đến năm 2019 (*)	-	-	-	-	-	(2.010.515.704)	-	(2.010.515.704)	
Số dư cuối năm nay	123.749.970.000	123.749.970.000	26.340.019.200	31.711.715.531	24.853.669.301	206.655.374.032	24.853.669.301	206.655.374.032	VND

(*) Theo Thông báo số 22562/TB-CT ngày 11/09/2020 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc thay đổi đơn giá tiền thuê đất và Biên bản làm việc của Chi cục thuế Quận 11 ngày 23/09/2020 về việc truy thu tiền thuê đất giai đoạn từ ngày 20/04/2007 đến 31/12/2019 tại khu đất số 45 Ông Ích Khiêm, Phường 10, Quận 11 với số tiền là 2.010.515.704 VND. Theo Tờ trình số 01/TT-BT ngày 30/10/2020, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt và chấp thuận hạch toán chi phí nộp tiền thuê đất bổ sung này vào lợi nhuận còn lại của các năm trước (giảm lợi nhuận còn lại của các năm trước). Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt về vấn đề nêu trên tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên diễn ra sắp tới.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/05/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		19.576.492.593
Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước để lại		2.466.048.524
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100	22.042.541.117
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17,30	3.813.491.964
Chi trả cổ tức (10%/vốn điều lệ)	56,14	12.374.997.000
Chi thường ban điều hành	0,52	114.166.667
Lợi nhuận chưa phân phối	26,04	5.739.885.486

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
- Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	100	123.749.970.000	100	123.749.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.749.970.000	123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm	123.749.970.000	123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.157.088.500	1.116.287.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.374.997.000	12.374.997.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.374.997.000	12.374.997.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.354.342.000)	(12.334.195.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(12.354.342.000)	(12.334.195.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.177.743.500	1.157.088.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

đ) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.711.715.531	31.711.715.531
	31.711.715.531	31.711.715.531

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Trung Lập, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất theo từng đợt thanh toán từ năm 2019 đến năm 2021 với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	128.161,07	190.662,17
- Đồng Yên Nhật (JPY)	4.553.120	9.129.712

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	16.390.302.641	4.494.909.622
Doanh thu bán thành phẩm	272.345.518.982	265.435.075.815
	288.735.821.623	269.929.985.437
	9.856.802.380	21.039.212.000

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	65.928.504	-
Hàng bán bị trả lại	-	21.681.000
	65.928.504	21.681.000

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.962.646.256	3.825.217.723
Giá vốn của thành phẩm đã bán	202.347.969.691	195.245.115.967
	215.310.615.947	199.070.333.690
	26.777.298.400	-

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	381.358.150	609.316.439
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	890.554.461	602.260.388
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	57.561.160	-
	1.329.473.771	1.211.576.827

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.225.586.942	1.280.277.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	180.958.843	244.030.662
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	70.795.697
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.141.057.540	935.747.190
Chi phí tài chính khác	-	38.080.000
	2.547.603.325	2.568.931.046

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.130.106.643	1.379.317.882
Chi phí nhân công	6.678.623.870	5.490.260.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.278.085	36.838.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.144.630.526	26.393.448.644
Chi phí khác bằng tiền	5.618.322	45.509.450
Chi phí bảo hành	415.741.954	537.743.190
	36.453.999.400	33.883.118.600

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	755.206.669	242.280.439
Chi phí nhân công	6.475.458.935	6.071.840.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.925.884	384.943.584
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.030.853.386)	467.533.479
Thuế, phí và lệ phí	93.180.384	86.025.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.297.881.777	3.068.192.550
Chi phí khác bằng tiền	640.979.074	794.106.323
	9.535.779.337	11.114.921.884

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	-	253.198.000
Thu nhập khác	169.801.396	57.633.138
	169.801.396	310.831.138

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	186.978.876	129.572.916
Chi phí khác	160.339.504	48.417.397
	347.318.380	177.990.313

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	25.973.851.897	24.615.416.869
Các khoản điều chỉnh tăng	338.017.932	598.101.815
- Chi phí không hợp lệ	230.017.932	287.294.565
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	87.807.250
- Thù lao Thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	108.000.000	223.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.064.107.937)	(18.897.302)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(53.592.233)	(18.897.302)
- Tiền thuê đất bị truy thu	(2.010.515.704)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.247.761.892	25.194.621.382
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.849.552.378	5.038.924.276
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.176.575.768	1.029.097.953
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.207.696.506)	(4.891.446.461)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	818.431.640	1.176.575.768

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.124.299.519	19.576.492.593
Các khoản điều chỉnh	-	(3.927.658.631)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(3.927.658.631)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.124.299.519	15.648.833.962
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.707	1.265

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.213.479.956	152.754.289.322
Chi phí nhân công	40.370.627.845	35.536.240.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.561.902.789	14.449.403.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.243.579.641	37.935.002.733
Chi phí khác bằng tiền	2.137.231.865	3.174.100.086
	259.526.822.096	243.849.035.536

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.568.057.968	-	13.979.627.567	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	77.606.254.678	(2.693.726.568)	63.942.072.610	(3.798.870.376)
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	94.174.312.646	(2.693.726.568)	80.921.700.177	(3.798.870.376)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	33.972.464.455	13.311.441.839
Phải trả người bán, phải trả khác	31.746.550.636	35.956.215.801
Chi phí phải trả	414.619.408	325.432.618
	66.133.634.499	49.593.090.258

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.568.057.968	-	-	13.568.057.968
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.912.528.110	-	-	74.912.528.110
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	91.480.586.078	-	-	91.480.586.078
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.979.627.567	-	-	13.979.627.567
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.143.202.234	-	-	60.143.202.234
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	77.122.829.801	-	-	77.122.829.801

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	33.972.464.455	-	-	33.972.464.455
Phải trả người bán, phải trả khác	31.746.550.636	-	-	31.746.550.636
Chi phí phải trả	414.619.408	-	-	414.619.408
	66.133.634.499	-	-	66.133.634.499
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	13.311.441.839	-	-	13.311.441.839
Phải trả người bán, phải trả khác	35.856.215.801	100.000.000	-	35.956.215.801
Chi phí phải trả	325.432.618	-	-	325.432.618
	49.493.090.258	100.000.000	-	49.593.090.258

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.	58.945.664.826	39.442.352.411
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.	38.280.850.283	58.666.670.512

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.475.792.052	89.194.101.067	288.669.893.119
Tài sản bộ phận	203.215.820.868	90.866.426.840	294.082.247.708
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.005.397.487	896.698.413	2.902.095.900

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	9.856.802.380	21.039.212.000
Mua vật tư, hàng hóa			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	26.777.298.400	-
Chia cổ tức			
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	6.045.658.000	6.045.658.000
- Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn	2.457.578.000	2.457.578.000
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	2.310.000.000	2.310.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cổ đông lớn	1.626.901.100	7.728.298.600

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	492.000.000	571.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.332.000.000	958.000.000


38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập

Lưu Thị Tố Như
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

